

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ta.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C. Địa chỉ: 169 Phố Linh Đ, phường H, quận H, HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân B (Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Dương Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.2 Chị Phan Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Dương Minh E, sinh năm 1982; Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1940; Anh Phan Văn L, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện nguyên đơn ông Hà Xuân B, trình bày: Bà Dương Thị H và chị Phan Thị L có vay tiền của Ngân hàng C cụ thể:

Khoản vay thuộc chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: Ngày 23/3/2015 ông Phan Văn N là chồng của bà Dương Thị H có vay số tiền gốc là 30.000.000đ đến ngày 26/7/2016 thì Ngân hàng đã đổi tên người đứng tên vay từ ông N sang bà H, theo khế ước số 6600000703760014, lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay, thời hạn trả cuối cùng là ngày 10/4/2019. Lãi tạm tính từ ngày 26/3/2015 đến ngày 31/8/2019 là 12.717.000đ, bà H đã trả lãi được 5.137.000đ còn lại 7.580.000đ thì không có trả lãi, gốc nữa cho đến nay. Tổng cộng gốc lãi là 37.580.000đ.

Khoản vay thuộc chương trình cho vay xuất khẩu lao động: Ngày 27/7/2016 vay số tiền 85.000.000đ để con ruột bà H là chị Phan Thị L xuất khẩu lao động tại Đài Loan, theo khế ước số 6600000708048589, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 10/7/2019. Ngày 14/11/2016 thì bà H trả tiền gốc được 35.500.000đ còn lại 49.500.000đ, tiền lãi tạm tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 31/8/2019 là 10.704.507đ, bà H đã trả lãi được 1.928.750đ còn lại 8.775.757đ. Tổng cộng gốc lãi là 58.275.757đ.

Hai khoản vay trên đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bà H, chị L trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ. Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Dương Thị H và chị Phan Thị L liên đới trả tiền vay còn nợ gồm: Khoản vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tiền gốc 30.000.000đ, tiền lãi 7.580.000đ và khoản vay xuất khẩu lao động gốc là 49.500.000đ, lãi là 8.775.757đ. Như vậy tổng cộng hai khoản vay là: Tiền gốc 79.500.000đ, tiền lãi tạm tính đến 31/8/2019 là 16.355.757đ. Tổng cộng gốc và lãi 95.855.757đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6600000703760014, 6600000708048589 cho đến khi nào trả nợ xong.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn bà Dương Thị H, chị Phan Thị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H, chị L vẫn không có mặt và không trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án.

Người làm chứng:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 anh Dương Minh E, trình bày: Anh là em của bà H, cậu của chị L và không có mâu thuẫn với bà H, chị L. Anh biết bà H, chị L có vay tiền của Ngân hàng C nhưng không rõ vay bao nhiêu tiền, vay tiền để chị L đi xuất khẩu lao động. Chị L đi làm được 02-03 tháng thì bị bệnh nên về nhà. Bà H trước đây có mở quán bán nước giải khát nhưng chị L không đi xuất khẩu lao động được nữa nên hai mẹ con lên tỉnh Bình Dương hay Đồng Nai

làm, anh không biết địa chỉ cụ thể. Khi Ngân hàng kiện đòi tiền anh có thông báo cho anh Phan Văn L là con ruột của bà H biết để anh L thông báo cho bà H. Trước năm 2019 anh có gặp bà H khuyên bà H trả lãi cho Ngân hàng để Ngân hàng không kiện thưa, bà H có trả lời là sẽ trả nhưng sau đó không trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 bà Ngô Thị Đ, trình bày: Bà là mẹ kế của bà H, bà ngoại của chị L. Bà không có mâu thuẫn với bà H, chị L, nhà bà H cất phía sau nhà bà. Bà có biết bà H vay tiền Ngân hàng C nhưng không biết vay bao nhiêu tiền, còn chị L đi xuất khẩu lao động được 02 tháng thì đã về nhà. Sau đó, bà H và chị L lên Thành phố Hồ Chí Minh làm. Chị L có chồng trên Thành phố Hồ Chí Minh, bà H cũng làm trên đó nhưng không rõ địa chỉ cư trú cụ thể. Tết năm 2018 chị L sinh con nên về nhà và bà H cũng về nhà sau đó lại tiếp tục lên Thành phố làm. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 anh Phan Văn L, trình bày: Anh là con ruột của bà H, anh ruột của chị L. Anh biết bà H, chị L có vay tiền của Ngân hàng C nhưng không biết tiền gốc, lãi bao nhiêu, chỉ biết vay tiền cho chị L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng qua bên đó làm được vài tháng thì chị L bị bệnh nên về quê, sau đó có gia đình và sinh con. Hiện chị L, bà H đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể, chỉ biết ở cầu Rạch Chiếc, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Anh có thông báo cho bà H biết về việc Ngân hàng kiện ở Tòa án đòi tiền vay nhưng bà H nói khoảng tháng 9, tháng 10 âm lịch năm 2019 mới về được, vì bận đi làm. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Theo khế ước vay số 6600000703760014 ngày 23/3/2015 bà H có vay vốn số tiền là 30.000.000đ thuộc chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Đến ngày 27/7/2016 bà H tiếp tục vay số tiền 85.000.000đ thuộc chương trình xuất khẩu lao động, theo khế ước 6600000708048589. Hai khoản vay này đã quá hạn mà bà H, chị L không thực hiện việc trả nợ đã vi phạm khế ước đã ký. Bị đơn không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, không có văn bản ghi ý kiến dù đã được thông đạt, có nhận các văn bản tố tụng. Như vậy, bà H, chị L thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng C. Căn cứ Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C, buộc bà Dương Thị H và chị Phan Thị L trả số tiền vay còn nợ 95.855.757đ (tiền gốc 79.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 31/8/2019 là 16.355.757đ) và tiếp tục tính lãi theo khế ước số 6600000703760014 và 6600000708048589.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, yêu cầu bà Dương Thị H, chị Phan Thị L trả tiền vay còn nợ là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và bà H, chị L cư trú tại ấp B, xã A, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Dương Thị H, chị Phan Thị L, người làm chứng anh Dương Minh E, bà Ngô Thị Đ, anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà H, chị L, anh Minh E, bà Đ, anh L vắng mặt, không có lý do nhưng anh Minh E, bà Đ, anh L đã có lời trình bày với Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H, chị L, anh Minh E, bà Đ, anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hà Xuân B yêu cầu bà Dương Thị H, chị Phan Thị L liên đới trả số tiền vay còn nợ gồm: Tiền gốc là 79.500.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/8/2019 là 16.355.757đ. Bị đơn bà Dương Thị H, chị Phan Thị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và anh Phan Văn L cũng đã thông báo cho bà H biết việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả tiền vay còn nợ nhưng bà H, chị L vẫn không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về việc Ngân hàng khởi kiện. Xét, Ngân hàng C cho vay theo hộ gia đình nên việc bà H, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hai khế ước đã vay trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử, buộc bà Dương Thị H, chị Phan Thị L liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ: Tiền gốc là 79.500.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/8/2019 là 16.355.757đ. Tổng cộng là 95.855.757đ và tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6600000703760014, 6600000708048589 cho đến khi nào trả nợ xong là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị H và chị Phan Thị L phải chịu 4.792.787đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

Buộc bà Dương Thị H và chị Phan Thị L liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ: Tiền gốc 79.500.000đ, tiền lãi 16.355.757đ. Tổng cộng là 95.855.757đ (Chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Bà Dương Thị H và chị Phan Thị L tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6600000703760014, 6600000708048589 cho đến khi nào trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị H và chị Phan Thị L chịu 4.792.787đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung